

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2015/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 134/TTr-STP ngày 11/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; đồng thời theo dõi, kiểm tra và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/11/2015./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức trần thù lao các dịch vụ công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện việc công chứng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng phải đăng ký với cơ quan thuế, sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế phát hành và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.
2. Việc thu, nộp tiền thù lao các dịch vụ công chứng bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ).
3. Mức trần thù lao các dịch vụ công chứng này là mức tối đa và đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Các tổ chức hành nghề công chứng không được thu cao hơn mức trần thù lao các dịch vụ công chứng này.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức trần thù lao các dịch vụ công chứng

Mức trần thù lao soạn thảo, đánh máy, in ấn các hợp đồng, giao dịch, niêm yết văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản và sao chụp giấy tờ, văn bản:

1. Mức trần thù lao soạn thảo, đánh máy, in ấn các hợp đồng, giao dịch

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/trường hợp)	
		Đơn giản	Phức tạp
01	- Hợp đồng góp vốn; - Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh.	120.000	200.000
02	- Văn bản khai nhận di sản thừa kế; - Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; - Văn bản thỏa thuận về tài sản vợ chồng.	90.000	170.000
03	- Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân; - Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; - Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thuê quyền sử dụng đất; - Hợp đồng mua bán, tặng cho, thuê căn hộ chung cư; - Hợp đồng mua bán, tặng cho, thuê tài sản gắn liền với đất; - Hợp đồng tặng cho các tài sản khác; - Các loại hợp đồng: thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh, đặt cọc, ký cược, ký quỹ tài sản; - Hợp đồng thuê, mượn, gửi giữ tài sản.	80.000	150.000
04	- Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô, xe chuyên dụng;		

	- Di chúc; - Văn bản huỷ bỏ, chấm dứt hợp đồng, giao dịch; - Văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp đồng, giao dịch; - Hợp đồng uỷ quyền; - Văn bản thỏa thuận khác; - Văn bản công chứng khác.	70.000	120.000
05	- Hợp đồng mua bán, tặng cho xe mô tô, xe gắn máy; - Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế.	50.000	90.000
06	- Giấy uỷ quyền; - Giấy cam đoan.	40.000	80.000
07	Văn bản sửa đổi, bổ sung phụ lục hợp đồng.	30.000	70.000

Trường hợp các hợp đồng, giao dịch, giấy tờ, văn bản được coi là phức tạp khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản và văn bản khai nhận di sản:
 - + Thừa kế thế vị, thừa kế trong trường hợp người được hưởng di sản chết sau người để lại di sản;
 - + Có tài sản là bất động sản ở nhiều nơi;
 - + Có người làm chứng, phiên dịch;
- Đối với các hợp đồng, giao dịch khác:
 - + Các hợp đồng, giao dịch về bất động sản mà có tài sản ở nhiều nơi;
 - + Các hợp đồng về kinh doanh thương mại, hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài;
 - + Có người làm chứng, phiên dịch;
 - + Quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình mà trong đó các thành viên trong hộ gia đình phải xác định rõ nhân thân;

2. Mức trần thù lao niêm yết văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản khi tổ chức hành nghề công chứng cử người trực tiếp thực hiện việc niêm yết:

- Phạm vi trong tỉnh:

+ Dưới 10km: 100.000 đồng/trường hợp niêm yết.

+ Từ 10 - 30km: 150.000 đồng/trường hợp niêm yết.

+ Từ 30km trở lên: 200.000 đồng/trường hợp niêm yết.

- Phạm vi ngoài tỉnh: do tổ chức hành nghề công chứng và người có yêu cầu công chứng tự thỏa thuận.

Mức thù lao thỏa thuận giữa tổ chức hành nghề công chứng và người có yêu cầu công chứng phải phù hợp với mặt bằng chung của giá cả thị trường tại địa phương vào thời điểm thỏa thuận và phải được lập thành văn bản lưu hồ sơ của tổ chức hành nghề công chứng và người có yêu cầu công chứng để làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát.

3. Mức trần thù lao sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản liên quan đến hợp đồng, giao dịch:

- Sao chụp giấy tờ, văn bản (trang A4): 500 đồng/trang.

- Sao chụp giấy tờ, văn bản (trang A3): 1000 đồng/trang.

4. Mức thù lao dịch thuật các loại văn bản, tài liệu được áp dụng theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Điều 5. Quản lý và sử dụng thù lao công chứng

1. Đối với Phòng công chứng:

Số tiền thu được từ nguồn thu dịch vụ trong hoạt động công chứng đối với các Phòng công chứng được chi các khoản như sau:

- Chi nộp thuế theo quy định;

- Các chi phí trực tiếp cho hoạt động dịch vụ như: chi trả lương cho người làm dịch vụ, mua văn phòng phẩm, mực in, sửa chữa máy móc.

Số tiền còn lại sử dụng như sau:

- Trích 40% cải cách tiền lương;

- Tăng thu nhập cho công chức, viên chức và hợp đồng lao động trong đơn vị;

- Trích lập các quỹ theo quy định.

2. Đối với Văn phòng công chứng:

Số tiền thu được từ nguồn thu dịch vụ hoạt động công chứng là doanh thu của đơn vị. Đơn vị thu có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm xác định cụ thể mức thù lao công chứng đối với từng loại việc nhưng không vượt quá mức trần thù lao công chứng được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 4, gửi về Sở Tư pháp để theo dõi, quản lý, đồng thời tổ chức niêm yết công khai mức thù lao công chứng tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng và có trách nhiệm giải thích rõ cho người yêu cầu công chứng khi có yêu cầu.

2. Các tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm tổ chức việc thu, quản lý, sử dụng thù lao công chứng và thực hiện việc nộp thuế theo quy định; lập hóa đơn tài chính cho đối tượng nộp thù lao công chứng theo quy định của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế đồng thời phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán chi phí, doanh thu các khoản thu dịch vụ công chứng theo pháp luật về kế toán thống kê.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện thu thù lao công chứng, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng đối với công tác này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị